

HỘI HỌA TRONG THƠ CUNG NỮ ĐỜI ĐƯỜNG

TH.S LÊ THỊ HẢI

Đại học Duy Tân Đà Nẵng

Màu sắc, hình khối, thần khí... là những yếu tố quan trọng của “hội họa mỹ” trong thơ Đường. Nó thể hiện rõ quan niệm “thi họa đồng lý” của người Trung Hoa. Tìm hiểu về thơ cung nữ đời Đường, ta sẽ bắt gặp nét tài hoa của thi sĩ kiêm họa sĩ đời Đường. Họ đã sử dụng rất thành công những nguyên tắc cơ bản trong hội họa để tạo nên bức tranh toàn mỹ về người cung nữ.

Nhìn chung, những thiếu nữ được tuyển vào cung đều phải qua sự tuyển chọn khá khắt khe của cung đình theo định hướng thẩm mỹ nhất định. Quan niệm cái đẹp của người phụ nữ Trung Hoa thời phong kiến ở mỗi triều đại có những nét tương đồng và khác biệt. Nếu đạo đức chất phác, hình thể khỏe mạnh là cái đẹp của phụ nữ thời Tiên Tần; trọng nét trọng sắc, đoan trang nhu mì là cái đẹp của phụ nữ thời Tần Hán; đa tài khéo nói, phóng khoáng phong nhã là cái đẹp của phụ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều; trọng trình thủ tiết, nhỏ nhắn, ốm yếu là cái đẹp của phụ nữ thời Tống Liêu Kim Nguyên; đức sắc xung đột, cương nhu tiêu trưởng là cái đẹp của phụ nữ thời Minh Thanh thì cái

đẹp của phụ nữ thời Tùy Đường Ngũ đại là sắc tài cùng trọng, nở nang, to lớn. Có thể nói, họ đa phần đều có “phong tư tài mạo tốt vời”, dung mạo xuất chúng, đa tài đa nghệ, tài nghệ song tuyệt.

Lịch sử Trung Quốc ghi lại rằng, thời Tần Thủy Hoàng có đến ba nghìn cung nữ, thời Tần Vũ Đế có đến năm nghìn, và đặc biệt dưới thời nhà Đường có cả bảy bốn vạn cung nữ (theo *Tân Đường thư, Hoạn giả truyện* thì “Trong niên hiệu Khai Nguyên, Thiên Bảo, tổng số cung tần có tới bốn vạn”...). Số lượng cung nữ nhiều như vậy, liệu rằng họ có được hưởng phúc ấm nơi thiên tôn hoàng đế hay vô vô một mình nhìn tuổi xuân trôi đi?

Thực tế, họ tài sắc là vậy, song trong số họ chỉ một số ít có cơ hội được hoàng đế sủng ái:

“Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất thân”.

(*Trường hận ca* - Bạch Cư Dị)

Dịch thơ:

Ba nghìn vẻ đẹp đắm cung tần

Sủng ái ba nghìn dốc một thân.

(Lê Nguyên Lưu)

Còn phần đông trọn đời không được “hạnh ngộ”, làm việc phục dịch cho hoàng đế, hậu phi trong cung cho đến khi tóc bạc da mồi và lạng lẽ chết già trong cung:

Lệ tặn la cân mộng bất thành,
Dạ thâm tiền điện án ca thanh.
Hong nhan vị lão ân tiên đoạn,
Tà y huân lung tọa đảo minh.
(*Hậu cung từ* - Bạch Cư Dị)

Dịch thơ:

Lệ dầm khăn là mộng nhạt phai,
Đêm thâm điện trước tiếng ca dài.
Má hồng chưa nhạt ân tình dứt,
Ngồi tựa lò hương tối sớm mai.
(Lê Nguyên Lưu)

Chỉ bằng vài nét phác họa, đời sống của các cung nữ thời xưa hiển hiện sống động trước mắt người đọc. Người cung nữ với tuổi xuân thì: đôi má đỏ hây hây, làn da trắng mịn, thân mềm cân đối... nhưng nhuận sắc sao lại kém tươi vậy (lệ dầm khăn; ngồi tựa lò hương...)? Hình ảnh này đã thay lời bộc bạch tâm tình của cung nữ. Họ phải chịu đựng sự dày vò bởi nỗi khát khao của tuổi trẻ, và khát vọng của một người phụ nữ là có được một mái ấm. Bức họa không chỉ mở ra một chốn thâm cung giống như nhà ngục lớn hoa lệ, giam cầm hàng vạn thiếu nữ trẻ đẹp, tài hoa và là nơi chứa chất đầy niềm bi oán “Hong nhan vị lão ân tiên đoạn”, mà còn là lời tố cáo đanh thép những tội ác của chế độ hậu cung đời Đường.

Nếu như thánh giác giúp con người có thể tương thông, tương cảm được với vũ

trụ bao la thì thị giác lại giúp cho con người nhận biết và hòa mình vào vũ trụ, vào tình đời, tình người. Trong bài thơ *Hậu cung từ* nói riêng, thơ viết về cung nữ đời Đường nói chung, thi nhân Đường đã sử dụng khá tinh tế nguyên tắc đầu tiên và cơ bản nhất trong hội họa Trung Hoa, đó là *khí vận sinh động*, có nghĩa là “sắc thái và không khí sống động như thật” chứ không phải là sự sao chép cho giống về bề ngoài của sự vật, sự việc.

Cổ Khải Chi - họa sĩ đời Tấn đã từng phát biểu rằng: “Trong những chủ đề của hội họa, khó nhất là vẽ người, thứ đến là phong cảnh, rồi đến chó ngựa”. Vậy mà dưới ngòi bút của thi nhân, bức tranh xã hội đương thời (cuộc sống của người cung nữ đời Đường) như đang hiển hiện trước mắt ta, mang hơi thở tươi rói của hiện thực. Việc tranh giành sự sủng ái, nổi quạnh quẽ và ai oán của mỹ nữ bị thất sủng trong cung hiện ra rõ nét hơn bao giờ hết trước mắt độc giả. Khi nàng mới vào cung tràn đầy nhựa sống và mang theo bao mong đợi của gia tộc “Giai vân nhập nội tiên thừa ân, Liễm tự phù dung, hung tự ngọc” (Ai lấy đều bảo vào cung hưởng ngay ơn vua. Má thắm như hoa sen, ngực trắng như ngọc). Nhưng phút giây ấy vụt qua mau, chưa kịp nhìn thấy mặt hoàng đế thì đã bị “Đố linh tiêm phối Thượng Dương cung, Nhất sinh toại hướng không phòng túc” (Ghen ngầm đẩy vào cung Thượng Dương, suốt đời ở sông mãi trong phòng vắng). Trước số phận bi thảm của người cung nữ, thi nhân đau đớn viết: “Thượng Dương nhân khổ tối đa: Thiếu diệp khổ, lão diệp khổ. Thiếu khổ lão khổ

lưỡng như hà” (Người Thượng Dương khổ vô cùng! Trẻ cũng khổ, già cũng khổ, trẻ khổ già khổ cả hai biết thế nào?). Cửa cung Thượng Dương khép lại với bao tiếng thở dài ngao ngán. Tiếp tục theo chân nhà thơ Bạch Cư Dị, bước tiếp vào “Lăng viên thiếp”, ta không khỏi ngỡ ngàng, chua xót thay cho thân phận người cung nữ nơi đây. Cuộc đời của họ lặng lẽ tiêu ma trong chốn không hư tịch mịch, ngày đêm trông giữ lăng hoàng đế đã chết cho đến khi “Hong nhan ám lão, bạch phát tân” (Má hồng phai dần, tóc ngày càng bạc) và cuối cùng thì chết già trong cung cấm. Bài *Cung nhân tà* của Vương Kiến viết: “Vị Ương tường Tây thanh thảo lộ, Cung nhân tà lý hồng trang mộ. Nhất biên tài xuất nhất biên lai, Cánh y bất giảm tâm thường số” (Tường Tây Vị Ương sương ướt cỏ, Hồng nhan ấy mộ cung nhân đó. Một bên vừa ra một bên vào, Người ở trong cung không giảm số). Cảm thương cho số phận bi thảm của họ, thi nhân bật lên tiếng náo nức than: “Vũ lộ chi ân bất cập giả, do văn bất cập tam thiên nhân. Tam thiên nhân, ngã nhĩ quân ân hà hậu bạc? Nguyên lệnh luân chuyển trực lăng viên, Tam tuế nhất lai quân khổ lạc” (Mưa móc ơn vua không rưới khắp, vẫn nghe không tới ba ngàn người. Ba ngàn người, đây đó ơn vua ai nặng nhẹ? Theo lệnh chuyển tới trực lăng viên, ba năm thấy đều cùng sướng khổ). Phải nói rằng, vận dụng quy tắc hội họa này, thi nhân đã mang đến cho người thưởng thức một không gian tưởng tượng rộng rãi. Sự sinh động chính là nhờ vào sự hòa hợp tâm hồn được giải thích như là sự nhịp nhàng cộng hưởng trong hội họa, một

sự thể hiện thần hứng của thi sĩ kiêm họa sĩ xuất sắc mang phong cách hiện thực.

Tài nghệ của thi nhân Đường không chỉ dừng lại ở việc sử dụng nhuần nhuyễn nguyên tắc “Khí vận sinh động” của hội họa trong thơ cung nữ mà còn khéo léo trong việc sử dụng phép “Tùy loại phú thái”, nghĩa là “Theo từng giống loài mà tô màu cho đúng”. Việc cảm thụ, điều phối ứng dụng màu sắc và nắm bắt hiệu ứng màu sắc của thi nhân là hết sức tinh tế:

Liêu lạc cố hành cung,
Cung hoa tịch mịch hồng.
Bạch đầu cung nữ tại,
Nhàn tọa thuyết Huyền
(*Hành cung* - Nguyên Chấn)

Dịch thơ:
Tàn tạ hành cung cũ,
Quạnh hiu mấy đoá hồng.
Cung nhân đầu bạc trắng,
Ngồi kể chuyện Huyền Tông
(Lê Nguyên Lưu)

Trong thơ Đường, ta thường bắt gặp lối điều phối màu sắc theo cặp tương phản: xanh - đỏ; trắng - đen; đỏ - vàng... để đạt đến nguyên tắc thẩm mỹ là tĩnh mịch và hài hòa. Chẳng hạn như “Đào hồng phục hàm túc, Liễu lục cánh đài triêu yên” (*Điền viên lạc - kỳ tứ* của Vương Duy) hay “Vũ trung thảo sắc lục khan nhiễm, Thủy thượng đào hoa hồng dục nhiên” (*Võng xuyên biệt nghiệp* - Vương Duy)... Ở những bài thơ này, ta cũng bắt gặp lối kết hợp những gam màu nóng - lạnh, sự đối tỷ mạnh mẽ trong màu sắc nhưng không

phải là cặp tương phản xanh - đỏ mà là hồng (đỏ) - bạch (trắng). Tại sao vậy?

Đối với người Trung Hoa, màu sắc trong hội họa cũng như thi ca là một biểu tượng sống động mang trong mình triết lý sâu xa của triết học. Nó không phải chỉ là màu của bản thân sự vật mà thực chất là màu của văn hóa Khí, văn hóa Âm Dương, Ngũ Hành. Mỗi màu sắc đều có khí (lực, sức mạnh) riêng. Xét màu sắc theo thuyết Âm Dương thì màu nào cho ta cảm giác nóng là Dương (đỏ), cảm giác lạnh là Âm (đen, trắng); Xét theo thuyết Ngũ Hành, vật thuộc "hành" nào thì có màu sắc của "hành" đó: Kim - trắng; Mộc - xanh; Thủy - đen; Hỏa - đỏ; Thổ - vàng.

Việc sử dụng cặp tương phản (xanh - đỏ) trong hai bài thơ của Vương Duy nêu trên đã khiến cho bức tranh xuân tràn đầy sinh khí (mộc sinh hỏa tương sinh). Còn sự đối chọi giữa sắc đỏ của những bông hoa trong cung với màu tóc trắng của người cung nữ gây hiệu quả thị giác mạnh đối với độc giả. Màu đỏ thuộc hành hỏa (dương - nóng), màu trắng thuộc hành kim (âm - lạnh), hai hành này tương khắc nhau nên làm cho bức tranh vốn đã tiêu điều nay lại càng thêm xác xơ. Lòng người đã cô liêu vắng tịch thì giờ đây càng tịch mịch hơn. Qua màu sắc điểm xuyết trong mỗi vần thơ, bài thơ, thi nhân đã đưa độc giả đến gần với những tâm tư tình cảm sâu kín của người cung nữ.

Bằng cái nhìn của người thường, màu sắc trong bức tranh thơ của Nguyên Chấn rất tươi sáng. Nhưng nếu nhìn bằng cái "cốt khí" của thi nhân, ta phát hiện ra một

điều hết sức lý thú. Màu sắc trong bức họa không phải đi theo lối mà ta hay gặp trong thơ Đường là đi từ tối đến bừng sáng mà ngược lại. Nó bắt đầu bằng màu sáng (dương) đến màu tối (âm). Như vậy, màu sắc ở đây không còn là màu thực tại khách quan nữa mà nó đã được nhìn qua lăng kính chủ quan của tác giả. Đó là màu của sự khổ đau, tủi hờn vì nỗi năm này qua năm khác người đẹp trong cung phải gặm nhấm sự trống trải, cô đơn của lòng mình; màu của sự cảm thông, của tấm lòng nhân đạo cao cả.

Có thể thấy rằng khi nghiên cứu về thơ Đường, đặc biệt là thơ cung nữ người ta không thể bỏ qua những nguyên tắc cơ bản của hội họa Trung Hoa. Mỗi bức tranh thơ là một sự kết hợp cao độ của tình thơ ý họa. Nó mang đến cho thơ Đường vẻ đẹp mặn mà, kiều sa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lâm Ngữ Đường (2005), *Hội họa Trung Hoa qua lời các vĩ nhân và danh họa*, Nxb Mỹ thuật.
2. I.X. Lixêvich (2000), *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc*, Nxb Giáo dục.
3. Lê Nguyên Lưu (2007), *Đường thi tuyển dịch*, Nxb Thuận Hóa.
4. Lưu Cự Tài (2001), *Lịch sử tuyển chọn người đẹp*, Nxb Trẻ.
5. Chương Bồi Hoàn, Lạc Ngọc Minh (2000), *Văn học sử Trung Quốc*, Nxb Phụ nữ.
6. Trần Lê Bảo (2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.